

UBND TỈNH GIA LAI
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP
QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/ KT-QLBVR-FSC

Gia Lai, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT, SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

I. THÔNG TIN CHUNG

Thực hiện kế hoạch quản lý rừng bền vững và tuân thủ các quy định của Quốc tế cũng như của nhà nước về sử dụng hoá chất trong SXKD; Công ty xây dựng các quy định nội bộ về việc sử dụng hoá chất trong phòng trừ sâu bệnh hại và biện pháp kiểm soát với các nội dung như sau:

Hiện nay, nhà nước Việt Nam có ban hành nhiều văn bản pháp quy, quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở 3 mức độ: Cấm sử dụng, hạn chế sử dụng và cho phép sử dụng các hoá chất dưới dạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng v.v... Văn bản mới nhất đang có hiệu lực thi hành là Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 30/01/2025 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam. Công ty ưu tiên sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng biện pháp thủ công và sinh học; tuyệt đối không sử dụng hoá chất trong danh mục cấm của tổ chức FSC, WHO, Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT, ngày 16/12/2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025.

Người trực tiếp sử dụng hoá chất phải được đào tạo, huấn luyện, có dụng cụ bảo hộ an toàn lao động. Tất cả các công đoạn từ mua sắm, vận chuyển, lưu kho, sử dụng hoá chất đều phải thực hiện đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và phải tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn quy định và văn bản hướng dẫn của Chính phủ Việt Nam.

Sau đây là cách sử dụng và Quy trình kiểm soát một số loại hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật trong quản lý rừng trồng của Công ty.

II. CÁC NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG HÓA CHẤT

1. Tuyệt đối không sử dụng hoá chất trong mục đích bón phân, BVTV, kích thích sinh trưởng có thành phần thuộc danh mục cấm của FSC, WHO, Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025.

2. Hạn chế tối đa sử dụng các loại phân bón vô cơ, tuyệt đối không sử dụng hóa chất diệt cỏ trong danh mục cấm.

3. Tăng cường sử dụng phân vi sinh, phân hữu cơ, thuốc trừ sâu bằng chế phẩm sinh học.

4. Tăng cường áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp.

5. Hoá chất sử dụng phải được mua hoặc cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, có chứng từ xác minh, có lưu nhãn mác.

6. Người sử dụng phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường .

7. Cấm sử dụng hóa chất (thuốc BVTV) tại các hiện trường: Cách hành lang ven suối, hành lang đa dạng sinh học, khu rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF 10 mét, cách hồ nước, khu dân cư 30 mét.

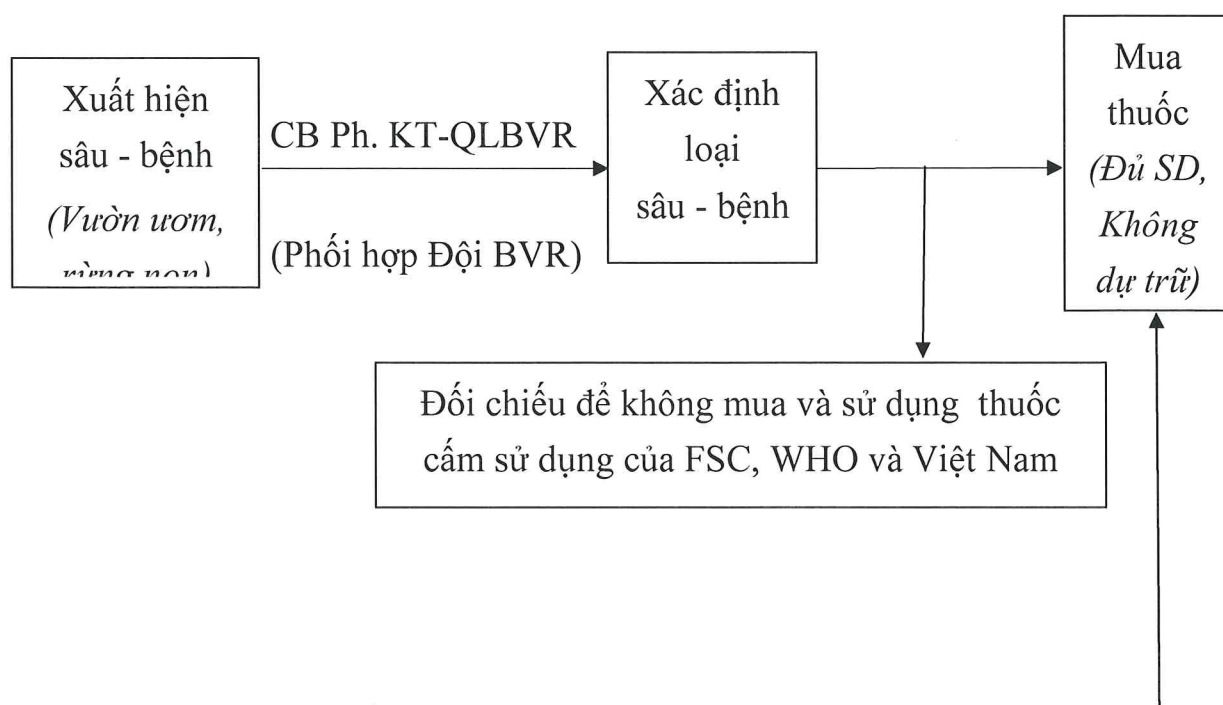
III. PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI

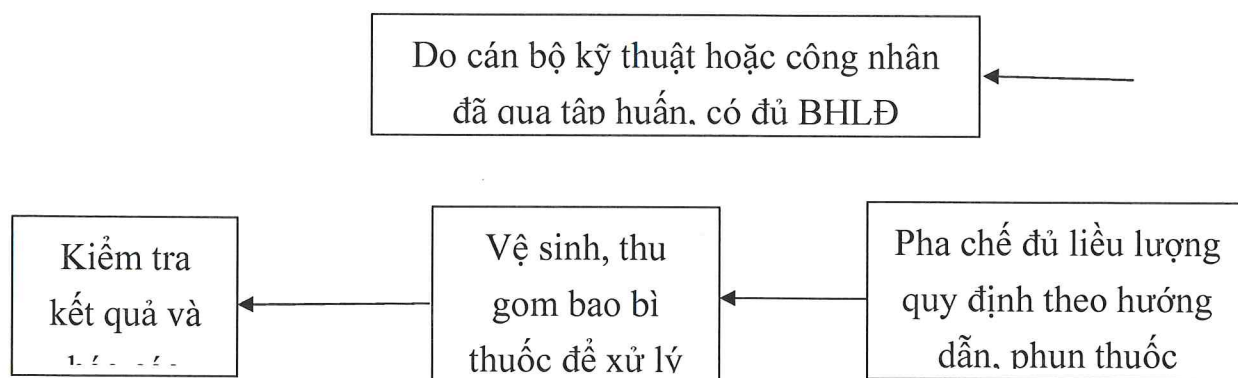
- Đối tượng: Sâu bệnh hại chủ yếu xuất hiện ở vườn ươm, các khu rừng non từ 1 đến 3 tuổi.

- Nội dung: Kiểm tra, theo dõi giám sát thường xuyên để phát hiện sâu bệnh và kịp thời xử lý, xây dựng kế hoạch, lịch trình giám sát, mở sổ theo dõi kết quả, nguyên nhân v.v...

1. Quy trình kiểm soát, sử dụng hóa chất

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH





- Phòng Kỹ thuật - QLBVR Công ty, đội trưởng đội sản xuất cây giống và các đội QLBVR thường xuyên kiểm tra, theo dõi giám sát để phát hiện sâu bệnh hại kịp thời xử lý;

- Khi cơ sở phát hiện có sâu bệnh hại, cán bộ phòng Kỹ thuật - QLBVR Công ty cùng phối hợp với đơn vị cơ sở cơ sở xác định loại sâu, bệnh, nấm... và tìm giải pháp xử lý. Trường hợp sử dụng các biện pháp thủ công hay chế phẩm sinh học không hiệu quả thì được phép sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có thành phần không nằm trong danh mục cấm của FSC, WHO, Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025.

- Sử dụng biện pháp dùng thuốc hoá học: Cán bộ kỹ thuật xác định loại thuốc sử dụng có thành phần (sau khi đã đối chiếu) không thuộc danh mục hóa chất cấm sử dụng của FSC, WHO, Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025 lập phương án xử lý trình lãnh đạo Công ty phê duyệt;

- Cử cán bộ chuyên môn có trách nhiệm đi mua với số lượng đủ dùng cho công việc, không dự trữ hóa chất tại kho Công ty;

- Giao cho người đã được đào tạo, tập huấn sử dụng thuốc (pha chế và phun thuốc); khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường: Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ, găng tay, giày, mũ; không ăn uống khi phun thuốc; sử dụng thuốc đúng liều lượng và hướng dẫn của nhà sản xuất, tuân thủ đúng giải pháp xử lý đã được phê duyệt.

- Sau khi sử dụng hóa chất người sử dụng phải thu gom bao bì thuốc cẩn thận, tiến hành thu gom đưa về nhà kho chứa chất thải nguy hại của công ty xử lý theo quy định. Cọ rửa sạch sẽ dụng cụ vừa sử dụng tránh để lưu lại thuốc trong dụng cụ; Vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi sử dụng thuốc;

- Phòng Kỹ thuật - QLBVR Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên trong suốt quá trình sử dụng thuốc và lập báo cáo kết quả xử lý sâu bệnh hại lên Ban Giám đốc Công ty.

2. Người chịu trách nhiệm chính kiểm soát sử dụng hóa chất

- Ông Nguyễn Hoài Nam - Trưởng phòng Kỹ thuật QLBVR - Thường trực FSC Công ty.

- Bà Ngô Thị Duyên - Đội phó phụ trách Đội sản xuất cây giống Sông Ngang.

3. Kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại

a. Một số loại thuốc phòng trừ sâu bệnh hại Công ty thường sử dụng

S T T	Loại thuốc	Thành phần hoạt chất	Công dụng
1	Thuốc ra rễ Roots ra rễ cực mạnh	Mo; Axit humic; Axit fuvic; K ₂ O; Mg; Zn; Cu...	Kích thích ra rễ (cây phi lao)
2	Thuốc ra rễ VNa34	B; Fe; Mo; N;P ₂ O ₅ ; K ₂ O; Mg; Zn; Cu...	Kích thích ra rễ (cây keo lai hom)
3	Thuốc root gold	Acid humic; Fulvic; Aminoaxit; Cytokin	Kích thích ra rễ (cây keo lai hom)
4	Thuốc NT ra rễ cực mạnh	a-Naphthalene acid; Ethanol;	Kích thích ra rễ (cây keo lai hom)
5	Thuốc nhú đọt vọt cành	Bo; Zn chelate; amino axit, rong biển	Kích thích ra rễ (cây keo lai hom)

b. Kỹ thuật phòng trừ

Người được phân công dùng thuốc hóa học phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường. Mang bảo hộ theo quy định, sử dụng thuốc đúng liều lượng và hướng dẫn của nhà sản xuất, tuân thủ đúng giải pháp xử lý đã được phê duyệt.

c. Một số lưu ý khi tiến hành phun thuốc

- Đảm bảo an toàn lao động: Người thực hiện pha chế và phun thuốc có đủ bảo hộ lao động là quần áo bảo hộ, mũ bảo vệ đầu tóc, giày vải, găng tay, kính bảo vệ mắt đúng tiêu chuẩn quy định.

- Pha chế thuốc: Có đủ bảo hộ như trên, không ăn uống hay hút thuốc khi pha thuốc và phun thuốc, pha đúng liều lượng, không dùng tay khuấy thuốc, phải dùng que.

- Thời điểm phun: Buổi sáng phun thuốc sau khi mặt trời mọc, lá cây đã khô sương hoặc phun vào buổi chiều khi chuẩn bị hết nắng để thuốc không bị phân hủy và phát huy được tác dụng.

- Hướng gió: Người phun thuốc phải phun theo chiều gió và đi giật lùi để tránh thuốc bay vào người làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Cấm sử dụng hóa chất trong phạm vi cách hành lang ven suối, hành lang đa dạng sinh học, khu rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF 10 mét, cách hồ nước, khu dân cư 30 mét.

- Sau khi sử dụng hóa chất người sử dụng phải thu gom bao bì thuốc cẩn thận và xử lý theo đúng quy định; Cọ rửa dụng cụ vừa sử dụng sạch sẽ tránh để lưu lại thuốc trong dụng cụ; Vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi sử dụng thuốc.

IV. Danh mục các loại hóa chất bị cấm sử dụng

Các tiêu chuẩn của FSC xác định rằng: “Cấm tất cả các loại thuốc trừ sâu thuộc bảng 1A, 1B theo phân loại của Tổ chức y tế thế giới (WHO), nhóm chlorinated hydrocarbon; các loại thuốc trừ sâu sau khi đó sử dụng có tính bền vững, độc hại hay để lại dư lượng có hoạt tính sinh học và tích tụ trong chuỗi thực phẩm, cũng như tất cả các loại thuốc trừ sâu bị cấm theo các thoả thuận quốc tế”.

Tại tiêu chí 10.7 của FSC STD-001-004 V5.0 quy định: “Chủ rừng phải sử dụng các hệ thống quản lý dịch hại tổng hợp và các phương pháp lâm sinh để tránh, hoặc nhằm mục đích loại trừ việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học. Chủ rừng không được sử dụng bất kỳ thuốc trừ sâu hóa học nào bị cấm bởi quy định của FSC. Khi sử dụng thuốc trừ sâu, Chủ rừng phải ngăn ngừa, giảm thiểu và /hoặc sửa chữa thiệt hại tới các giá trị môi trường và sức khỏe của con người”.

A. Bị cấm do các tổ chức quốc tế đề xuất

1. Thuốc trừ sâu có tính độc hại cao, theo quy định của FSC Tiêu chuẩn FSC-POL-30-001aEN cập nhật ngày 13/2/2024; có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và Tiêu chuẩn FSC-STD-001-004 V5.0 có hiệu lực tại Việt Nam từ tháng 5-2020:

1,3-dichloropropene, 2,4-D; 2,4-DB; 4-indol-3-ylbutyric acid, Aldicarb, Aldrin, Alpha-cypermethrin, Aluminium phosphide, Amitrole, Atrazine, abamectin, acephate, acequinocyl, acetamiprid, acetochlor, acrinathrin, acrolein, alachlor, alpha-chlorohydrin, aluminium phosphide, ametryn, amisulbrom, amitraz, anthraquinone, Arsen and its compounds, azaconazole, azafenidin, azamethiphos, azinphos-ethyl, azinphos-methyl, azocyclotin; Avando.

Benomyl, Brodifacoum, Bromadiolone, bendiocarb, benfuracarb, benthiavalicarb-isopropyl, beta-cyfluthrin; cyfluthrin, beta-cypermethrin, BHC mixed isomers, bifenthrin, bioallethrin, bioresmethrin, Borax; disodium tetraborate, Boric acid, bromethalin, bromoxynil, bromoxynil octanate, bromoxynil-butyrate,

bromoxynil-heptanoate, bromoxynil-potassium, bronopol, butachlor, butocboxim, butoxycboxim;

Carbaryl, Carbosulfan, Chlordane, Chlorothalonil, Chlorpyrifos, Cyfluthrin, Cypermethrin, 2-ethylhexyl ester 2-(2,4-DP), Cadmium and its compounds, cadusafos, Calcium cyanide, calcium phosphide, captafol, captan, carbendazim, carbofuran, cartap; cartap hydrochloride, chinomethionat, chloralose, chlorantraniliprole, chlorethoxyfos, chlorfenapyr, chlorfenvinphos, chlorfluazuron, chlormephos, chloroacetic acid, chlorophacinone, chloropicrin, chlorotoluron, chlorpyrifos-methyl, cholecalciferol, clofentezine, coal tar oils; CAS 8002 29, copper oxychloride, copper sulfate (tribasic); copper hydroxide sulfate, copper(II) hydroxide; cupric hydroxide, coumaphos, coumatetralyl, cupric sulfate-tricupric hydroxide, cuprous oxide, cyanazine, cyenopyrafen, cyflufenamid, cyhalothrin, cyhexatin, cyphenothrin, cyproconazole, cyprodinil;

Dma salt (= dichlorprop, dma salt), DDT, Deltamethrin, Diazinon, Dicamba, dma salt, Dicofof, Dieldrin, Dienochlor, Difethialone, Diflubenzuron, Dimethoate, Diquat dibromide, Diuron, daminozide, demeton-S-methyl, diafenthion, dichlofluanid, dichlorvos; DDVP, diclofop-methyl, dicrotophos, difenacoum, diflumetorim, dimethametryn, dimethyl disulfide, dimethylvinphos, dimoxystrobin, dinobuton, dinocap, dinoterb, diphacinone, disulfoton, DNOC and its salts, dodine;

Endosulfan, Endrin, Epoxiconazole, Esfenvalerate, Ethion, EDB; ethylene dibromide, edifenphos, emamectin benzoate, empenethrin, endothal, endothal-dipotassium, EPN, ergocalciferol, ethiofencarb, ethoprophos, ethyl-parathion, etofenprox, etoxazole, etridiazole;

Fenitrothion, Fipronil, Fluazifop-butyl, Flufenoxuron, famoxadone, famphur (ESA), fenamiphos, fenarimol, fenazaquin, fenbutatin oxide, fenobucarb, fenoxycarb, fenpropathrin, fenpyroximate, fenthion, fentin, fentin acetate, fentin hydroxide, fenvalerate, flocoumafen, fluazinam, fluchloralin, flucythrinate, flumioxazin, fluopyram, fluoroacetamide, fluquinconazole, flusilazole, flusulfamide, fluthiacet, forchlorfenuron, formaldehyde, formetanate, formetanate hydrochloride, fosthiazate, furathiocarb, furfural;

Gamma-cyhalothrin, glufosinate-ammonium, guazatine;

Heptachlor, Hexachlorobenzene, Hexazinone, Hydramethylnon, halfenprox, haloxyfop-methyl, heptenophos, hexaflumuron, hexythiazox, hydrogen cyanide;

Isoxaben, imazalil, imicyafos, imidacloprid, iminoctadine triacetate, imiprothrin, indoxacarb, iodomethane, ioxynil, ioxynil octanoate, ioxynil-sodium, iprodione, iprovalicarb, isocarbophos, isofenphos-methyl, isoprocab, isopyrazam,

isoxaflutole, isoxathion; Kadethrine, kresoxim-methyl; Lamba-cyhalothrin, lindane; gamma-HCH, Lead and its compounds, linuron, lufenuron; Mancozeb, Metam sodium, Methoxychlor, Methylarsonic acid (monosodium methanearsenate, MSMA), Methylbromide, Mirex, magnesium phosphide, malathion, maneb, mecarbam, mepanipyrim, meptyldinocap, Mercury and its compounds, metaldehyde, methamidophos, methidathion, methiocarb, methomyl, methyl bromide, methyl isothiocyanate, metiram, metofluthrin, metribuzin, mevinphos, milbemectin, Mineral oils; paraffin oils cont. > 3 % DMSO (Dimethyl sulphoxide), molinate, monocrotophos; Naled, nabam, nicotine, nitrapyrin, novaluron, noviflumuron; Oryzalin, Oxydemeton-methyl, Oxyfluorfen, omethoate, oxadiazon, oxamyl;

Paraquat, Parathion, Pendimethalin, Pentachlorophenol, Permethrin, Propaquizafop, Propyzamide, paraquat dichloride, parathion-methyl, phenothrin, phenthoate, phorate, phosalone, phosmet, phosphamidon, phoxim, picloram, picoxystrobin, pindone, piperophos, pirimicarb, pirimiphos-methyl, prallethrin, procymidone, profenofos, profoxydim, propachlor, propanil, propargite, propetamphos, propoxur, pronamide, prothiofos, pymetrozine, pyraclofos, pyraclostrobin, pyraflufen, pyrazachlor, pyrazophos, pyrethrins (pyrethrum), pyridaben, pyridaphenthion, pyridin-4-amine, pyrifluquinazon, pyriftalid, pyrimidifen; Quintozene, quinalphos, quizalofop-P-tefuryl; Resmethrin, rotenone; Simazine, Sodium cyanide, Sodium fluoroacetate 1080, Strychnine, Sulfluramid, 2,4,5-T, sedaxane, silafluofen, spirodiclofen, spiromesifen, sulfotep, sulfuryl fluoride;

Tebufenozide, Terbumeton, Terbutylazine, Terbutryn, Thiodicarb, Toxaphene, (Camphechlor), Triadimenol, Trifluralin, tau-fluvalinate, TCMTB; 2-(thiocyanatomethylthio) benzothiazole, tebufenpyrad, tebupirimfos, teflubenzuron, tefluthrin, temephos, tepraloxym, terbufos, tetrachlorvinphos, tetraconazole, tetramethrin, theta-cypermethrin, thiacloprid, thiocyclam, thiofanox, thiometon, thiophanate-methyl, thiosultap monosodium, thiram, tolfenpyrad, tolylfluanid, tralomethrin, transfluthrin, triazamate, triazophos, triazoxide, tribufos, trichlorfon, trifloxystrobin, triflumuron; Vamidothion, vinclozolin; Warfarin; XMC; Zeta-cypermethrin, Zinc phosphide, zineb, ziram, ZXI 8901;

2. Các hóa chất có tính độc hại đặc biệt (nhóm IA) theo WHO

Aldicarb, Brodifacoum, Bromadiolone, Bromethalin, Calcium cyanide, Captafol, Chlorethoxyfos, Chlormephos, Chlorophacinone, Difenacoum, Difethialone, Diphacinone, Disulfoton, EPN, Ethoprophos, Flocoumafen, Hexachlorobenzene, Mercuric chloride, Mevinphos, Parathion, Parathion-methyl,

Phenylmercury acetate, Phorate, Phosphamidon, Sodium fluoroacetate, Sulfotep, Tebupirimfos, Terbufos

3. Các hoá chất có tính độc hại cao (nhóm IB) theo WHO

Acrolein, Allyl alcohol, Azinphos-ethyl, Azinphos-methyl, Blasticidin-S, Butocarboxim, Butoxycarboxim, Cadusafos, Calcium arsenate, Carbofuran, Chlorfenvinphos, 3-Chloro-1,2-propanediol, Coumaphos, Coumatetralyl, Zeta-cypermethrin, Demeton-S-methyl, Dichlorvos, Dicrotophos, Dinoterb, DNOC, Edifenphos, Ethiofencarb, Famphur, Fenamiphos, Flucythrinate, Fluoroacetamide, Formetanate, Furathiocarb, Heptenophos, Isoxathion, Lead arsenate, Mecarbam, Mercuric oxide, Methamidophos, Methidathion, Methiocarb, Methomyl, Monocrotophos, Nicotine, Omethoate, Oxamyl, Oxydemeton-methyl, Paris green, Pentachlorophenol, Propetamphos, Sodium arsenite, Sodium cyanide, Strychnine, Tefluthrin, Thallium sulfate, Thiofanox, Thiometon, Triazophos, Vamidothion, Warfarin, Zinc phosphide .

B. Công ty phải đối chiếu với danh mục hóa chất có thành phần do FSC cấm sử dụng tại Tiêu chuẩn FSC-POL-30-001a EN cập nhật ngày 13/2/2024; có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Danh mục hóa chất bị cấm sử dụng theo Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày 16/05/2025.

Quy trình kiểm soát, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Bãi bỏ Quy trình sử dụng thuốc BVTV số 170/KT- QLBVR.FSC ngày 05/7/2019. Công ty yêu cầu các phòng nghiệp vụ, đội sản xuất cây giống và các đội QLBVR nghiêm chỉnh chấp hành./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Công ty;
- Các Phòng nghiệp vụ;
- Các Đội QLBVR;
- Lưu: VT, ban FSC.

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tĩnh